TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 11 -2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Ông Nguyễn Văn Ngần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:Ông Lê Đức Thọ– Kiểm sát viên.

Ngày 28tháng11 năm 2018tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đìnhthụ lý số: 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 26tháng 7năm 2018về *"Ly hôn tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX - ST ngày 26tháng 10năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Hồ Trung N, sinh năm: 1982 (có mặt)

Bị đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nguyên đơn, bị đơn cùng trú tại: thôn B, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Hồ Trung N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị M sau thời gian tìm hiểu đã quyết định kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vàcó đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, anh N và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, anh N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị

M vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng anh N và chị M đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không ai còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh N và chị M có hai người con chung là Hồ Vân A, sinh ngày 20/11/2006 và Hồ Sỹ K, sinh ngày 08/5/2010. Khi ly hôn, anh N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi cháu A, cháu K đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của chị M.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiệnnguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

-Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227Bộ luật tố tụng dân sự;điểm akhoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Trung N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị M và yêu cầu được trực tiếp nuôi chung. Do đó, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án,bị đơn có nơi cư trú tại thôn B, xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mđể tham gia phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Hồ Trung N và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện,đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Phước Long, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh N và chị M chung sống hạnh phúc được một nămthì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh N và chị M đã sống ly thân hơn hai năm nay, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, phận ai đó sống. Qua xác minh tại địa phương nơi anh N, chị Mchung sống thì được biết thực tế giữa anh N và chị Mtrong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, vìchị M đánh cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình, hiện anh M và chị N đã sống ly thân hơn hai năm nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa anh Nvà chị M đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Hồ Trung N có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 xử cho anh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh N và chị M có hai người con chung tên Hồ Vân A, sinh ngày 20/11/2006 và Hồ Sỹ K, sinh ngày 08/5/2010. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, qua xác minh tại địa phương thì được biết từ khi anh N, chị M sống ly thân các con chung đều do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không chăm lo cho các con; trong thời gian các con chung sống với anh N đều được đi học và phát triển tốt, anh N có chỗ ở ổn định, làm nghề than,buôn gỗ và có hai mẫu điều nên có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng hai cháu. Đồng thời, cháu Hồ Vân A và Hồ Sỹ K đều có nguyện vọng ở với anh N. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển tốt về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Nlà được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung A và K cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản2 Điều 53;Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị

quyếtsố 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: anh Hồ Trung N được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

-Về con chung: anh Hồ Trung N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Hồ Vân A, sinh ngày 20/11/2006 và Hồ Sỹ K, sinh ngày 08/5/2010cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi. Chị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: anh Hồ Trung Nphải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo Biên lai thu số 0006057 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đoncó mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa